**TRƯỜNG TIỂU HỌC .....** *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

# PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
## MÔN TOÁN – KHỐI 3
## PHIẾU SỐ 45

*Thời gian làm bài: 30 phút*

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM** *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

**Câu 1.** Trong số 793, chữ số 9 có giá trị là:

**A.** 9 **B.** 793 **C.** 900 **D.** 90

**Câu 2.** Phép chia 92 : 8 có số dư là:

**A.** 4 **B.** 11 **C.** 8 **D.** 5

**Câu 3.** Số lớn là 14, số bé là 7. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

**A.** 2 lần **B.** 21 lần **C.** 7 lần **D.** 3 lần

**Câu 4.** Một phần hai (1/2) của 10 cái kẹo là:

**A.** 5 cái kẹo **B.** 7 cái kẹo **C.** 20 cái kẹo **D.** 8 cái kẹo

**Câu 5.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 1 cm 9 mm = …… mm

**A.** 91 **B.** 10 **C.** 19 **D.** 109

**Câu 6.** I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 40 m, độ dài đoạn CI là:

**A.** 80 m **B.** 38 m **C.** 20 m **D.** 40 m

**PHẦN 2. TỰ LUẬN** *(Học sinh trình bày lời giải)*

**Bài 1.** Tính giá trị của biểu thức:

a) 230 + 60 × 7 = ……

b) 74 − 25 : 5 = ……

c) (31 + 43) × 4 = ……

**Bài 2.** Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 429 + 301 = ……

b) 784 − 438 = ……

c) 152 × 2 = ……

d) 150 : 3 = ……

**Bài 3.** Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 8 = 64

b) …… : 7 = 27

c) …… + 408 = 623

d) 36 : …… = 9

**Bài 4.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 kg = …… g

b) 7 m 7 dm = …… dm

c) 4 m = …… dm

d) 2 l = …… ml

**Bài 5.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 9 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 14 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 16 mm. Đoạn MB dài …… mm.

**Bài 6.** Có 108 quyển vở chia đều cho 6 bạn. An được chia rồi lại được cô thưởng thêm 3 quyển. Hỏi An có tất cả bao nhiêu quyển vở?

a) Mỗi bạn được chia: …… quyển

b) An có tất cả: …… quyển

**HẾT**

# ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

*Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 45*

## Phần 1. Trắc nghiệm

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | A | A | A | C | C |

## Phần 2. Tự luận

**Bài 1.**

a) $230 + 60 \times 7 = 230 + 420 = 650$

b) $74 - 25 : 5 = 74 - 5 = 69$

c) $(31 + 43) \times 4 = 74 \times 4 = 296$

**Bài 2.**

a) $429 + 301 = 730$

b) $784 - 438 = 346$

c) $152 \times 2 = 304$

d) $150 : 3 = 50$

**Bài 3.**

a) $64 : 8 = 8$

b) $27 \times 7 = 189$

c) $623 - 408 = 215$

d) $36 : 9 = 4$

**Bài 4.**

a) 4 kg = 4000 g (vì 1 kg = 1000 g)

b) 7 m 7 dm = 77 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 4 m = 40 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 2 l = 2000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

**Bài 5.**

a) $9 \times 2 = 18$ (cm)

b) $14 : 2 = 7$ (dm)

c) $16 : 2 = 8$ (mm)

**Bài 6.**

Mỗi bạn: $108 : 6 = 18$ (quyển)

An có: $18 + 3 = 21$ (quyển)